

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2016/HC-ST

Ngày: 21 – 6 - 2016

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Nhiều;
2. Ông Nguyễn Thành Biên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy - Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên
tòa:* Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2016, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải
Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2016/TLST-HC ngày 29 tháng
02 năm 2016 về “Khiếu kiện quyết định hành chính” theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số 390/2016/QĐ-ST ngày 01/6/2016 giữa:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1935; Địa chỉ: Thôn 3 N,
xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Đăng K –
Luật sư Văn phòng luật sư A- Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng. Có mặt.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch UBND H.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Vũ Minh T – Chức
vụ: Phó Chánh Thanh tra H và ông Hoàng Văn Y – Chức vụ: Trưởng phòng
nghịệp vụ 2 – Thanh tra H. Đều có mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Phú T, sinh năm
1957; Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản đối thoại; ông Nguyễn
Đức T cùng người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Đăng K trình bày: Năm
1965 Hợp tác xã T huyện K cấp cho gia đình ông một thửa đất có diện tích 1 sào

12 thước (648m²). Năm 1967 gia đình bà N được Hợp tác xã T cấp đất ở phía trong cạnh với thửa đất của gia đình ông. Trước đây nhà bà N có ngõ đi phía sau cùng với gia đình nhà ông X. Sau đó bà N không đi ngõ này nữa nên cũng trong năm 1967 bà N có sang nhà ông nói cho đi nhờ ngõ qua đất của gia đình ông thì ông cũng đồng ý. Việc thỏa thuận này bằng miệng không lập thành văn bản. Năm 1984 ông tách cho con trai là anh Nguyễn Văn V 12 thước đất nằm trong tổng diện tích 648m² đất. Cũng trong năm 1984 gia đình ông đã làm thủ tục kê khai đăng ký sử dụng toàn bộ diện tích 648m² đất. Tại sổ mục kê và bản đồ giải thửa của chính quyền địa phương ông và con trai là anh V đứng tên chủ sử dụng đất. năm 1985 bà N bán đất của gia đình bà cho nhà ông Nguyễn Phú T và nhà ông T tiếp tục sử dụng ngõ đi qua đất nhà ông. Đến năm 2005 xảy ra tranh chấp về ngõ đi này giữa nhà ông và nhà ông T. Quá trình giải quyết tranh chấp tại các cấp thì ông đều ủy quyền cho con trai là anh V. Từ năm 2005 đến năm 2007 UBND xã T đã nhiều lần giải quyết việc tranh chấp giữa hai gia đình. UBND xã đã lập biên bản giải quyết và khẳng định ngõ đi đang tranh chấp là ngõ đi chung nhưng ông không đồng ý nên không ký vào biên bản. Sau đó việc tranh chấp được giải quyết tại cấp huyện. Ngày 16/9/2010 ông nhận được Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND huyện K là quyết định giải quyết tranh chấp đất đai giữa gia đình ông và gia đình ông T. Nội dung quyết định xác định ngõ đi đang tranh chấp là ngõ đi chung của các hộ gia đình, là đất công do UBND xã quản lý. Tại buổi làm việc ngày 30/12/2011 ông T chấp nhận trả 40 triệu đồng cho gia đình ông thì ngõ đi sẽ thuộc riêng về nhà ông T. Tuy nhiên sau khi thỏa thuận xong ông T không thực hiện nên ông tiếp tục khiếu nại đến UBND huyện K. Sau đó Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu 612/QĐ-CT ngày 17/4/2015 nội dung quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu nêu rõ “Việc ông Nguyễn Đức T khiếu nại Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND huyện K, đồng thời khẳng định diện tích đất đang tranh chấp là ngõ đi riêng của gia đình ông và hộ ông Nguyễn Phú T đi nhờ là không có cơ sở”. Không đồng ý với quyết định này, ông tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch UBND H. Ngày 15/01/2016 Chủ tịch UBND H ban hành Quyết định số 104/QĐ-CT là quyết định giải quyết khiếu nại lần 2. Nội dung của Quyết định thể hiện Điều 1: “Công nhận và giữ nguyên nội dung quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 612/QĐ-CT ngày 17/4/2015 của Chủ tịch UBND huyện K”. Ông không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 này vì nội dung trong quyết định khẳng định ngõ đi đang tranh chấp là ngõ đi chung là không đúng vì diện tích ngõ đi này là của gia đình ông.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Ông đề nghị hủy Quyết định 104/QĐ-CT ngày 15/01/2016 với lý do sau:

- UBND huyện K khi giải quyết tranh chấp giữa nhà ông T và nhà ông T đã ban hành 02 Quyết định giải quyết tranh chấp và thành lập 02 đoàn thanh tra. Cụ thể Đoàn thanh tra huyện ban đầu là do bà Phạm Thị Tiệp – Phó Chánh thanh tra làm trưởng đoàn kiểm tra xác minh. Đoàn thanh tra huyện lần 2 do ông Nguyễn

Đức D – Chánh thanh tra làm trưởng đoàn kiểm tra xác minh. Đây là vi phạm quy định về giải quyết khiếu nại.

- Việc tranh chấp giữa nhà ông T và nhà ông T là tranh chấp quyền sử dụng đất có tài sản trên đất, theo quy định của Luật đất đai thẩm quyền giải quyết không thuộc UBND các cấp mà thuộc thẩm quyền của Tòa án.

- Đối tượng tranh chấp là ngõ đi có diện tích 23,1m² đất nhưng Quyết định giải quyết không tập trung giải quyết diện tích đất này có nguồn gốc thế nào, không nêu rõ áp dụng điều luật nào. Trên sơ đồ hiện trạng, sổ mục kê cũng không thể hiện ngõ đi này.

- Hai bên cũng đã thỏa thuận việc mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng ngõ đi với số tiền 40 triệu đồng.

- Biên bản xác nhận của bà N cũng là một trong những căn cứ cho việc giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Phú T trình bày: Năm 1985 ông có mua lại mảnh đất của bà Bùi Thị N. Việc mua bán đã được UBND xã T xác nhận. Khi mua bán, trên đất chỉ có một ngõ đi duy nhất, chồng bà N có nói lại ngõ đi này không phải của nhà ông T mà là bờ ruộng canh tác của HTX T. Hai gia đình vẫn sử dụng ngõ đi này đến năm 2005 ông T tự ý chặn ngõ đi này. Quá trình giải quyết tranh chấp tại các cấp đều xác định ngõ đi này là ngõ đi chung. Phía người khởi kiện trình bày ngõ đi không thể hiện trên bản đồ là không đúng. Bản đồ năm 1984 tất cả các ngõ đi, bờ ruộng dưới 2m không thể hiện trên bản đồ vì không đủ 1mm. Tại biên bản làm việc ngày 31/8/2015 gia đình ông T cũng đã thừa nhận ngõ đi này là bờ ruộng. Tại biên bản làm việc ngày 23/3/2007 anh V là con trai được ông T ủy quyền đòi bán dứt điểm ngõ đi này cho gia đình ông, nhưng chính quyền địa phương xác định không phải đất của gia đình anh V mà là ngõ đi chung thuộc đất công do UBND xã quản lý nên không được bán. Quá trình sử dụng ông cũng đã hỗ trợ 100% số tiền vật lập ngõ đi là 2.637.000 đồng cho UBND xã. Ông không đồng ý với văn bản xác nhận của bà N vì việc mua bán đất diễn ra từ năm 1985 đến sau này khi bà N chuyển về quê chồng ở Thanh Hóa sinh sống mấy chục năm đến năm 2013 bà N mới có đơn xác nhận. Ông đồng ý với Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND huyện K, Quyết định số 612/QĐ-CT của Chủ tịch UBND huyện K và Quyết định 104/QĐ-CT ngày 15/01/2016 của Chủ tịch UBND H. Đề nghị HĐXX bác yêu cầu của người khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

- + Về thẩm quyền giải quyết: Tại thời điểm giải quyết tranh chấp giữa nhà ông T và nhà ông T thì Luật đất đai năm 2003 đang có hiệu lực pháp luật nên căn cứ Luật đất đai năm 2003 để áp dụng. Theo đó sổ mục kê không phải là một trong các giấy tờ được quy định tại Khoản 1, 2, 5 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 vì vậy việc giải quyết tranh chấp thuộc thẩm quyền của UBND các cấp. Sau khi UBND huyện K ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 612 ngày 17/5/2015 nhưng gia đình ông T không đồng ý nên đã tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND

H. Chủ tịch H đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 104/QĐ-CT ngày 15/01/2016 do Phó Chủ tịch Nguyễn Văn T ký theo ủy quyền thường xuyên mảng phân công phụ trách của Chủ tịch UBND H là đúng thẩm quyền.

+ Về trình tự, thủ tục: Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông T thì UBND H đã giao cho Thanh tra H giải quyết. Thanh tra H đã mời ông T lên làm việc để giải thích khi giải quyết vụ việc người khiếu nại có hai lựa chọn một là khởi kiện ra Tòa án, hai là lựa chọn cơ quan giải quyết là UBND H. Khi đó anh V là đại diện của ông T có đề nghị UBND H là cơ quan giải quyết vụ việc. Dựa vào đề nghị trên, Thanh tra H đã thành lập đoàn kiểm tra, xác minh nội dung đơn khiếu nại. Ông Hoàng Văn U được giao là trưởng đoàn kiểm tra, xác minh. Căn cứ kết quả giải quyết lần đầu, hồ sơ xác minh trực tiếp của Đoàn thanh tra H và các quy định của pháp luật, Thanh tra H đã đưa ra kết luận diện tích ngõ đi 23,1m² là đất ruộng do HTX T quản lý là ngõ đi chung và đã có văn bản báo cáo số 02 ngày 20/10/2015 của Trưởng đoàn thanh tra H. Tiếp đó ngày 21/10/2015 Chánh thanh tra H đã có Báo cáo số 58/BC-TTTP gửi UBND H kết luận và kiến nghị nội dung khiếu nại của ông T. Trên cơ sở Báo cáo số 58 của Chánh thanh tra H, Chủ tịch UBND H đã ban hành Quyết định số 104/QĐ-CT ngày 15/01/2016. Như vậy về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định 104 là đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Diện tích đất đang tranh chấp là 23,1m² trước đây là bờ ruộng. Căn cứ biên bản làm việc ngày 31/8/2015 giữa đoàn xác minh và anh V, anh V trình bày khi gia đình được phân đất thì diện tích mặt ngõ chỉ có 30cm. Có các nhân chứng là bà Bùi Thị Miên ở liền kề gia đình ông T xác nhận ngõ đi đang tranh chấp là ngõ đi chung của nhà bà N và nhà ông T, ông Đồng Duy C – Cán bộ ruộng đất khi đó xác nhận trước khi phân đất cho nhà ông T, nhà bà N thì ngõ đi đang tranh chấp trước đây là bờ ruộng. Căn cứ BLDS thì ngõ đi tồn tại trên 30 năm là ngõ đi chung. Đoàn kiểm tra, xác minh không gặp bà N để xác minh vì anh V và các nhân chứng đều đã thừa nhận diện tích đất đang tranh chấp là bờ ruộng. Việc giải quyết tranh chấp giữa các bên, UBND các cấp không xác định công sức bồi đắp của các bên mà chỉ xác định diện tích đất này là ngõ đi chung. Nội dung Quyết định số 104/QĐ-CT ngày 15/01/2016 cũng chỉ xác định diện tích ngõ tranh chấp là ngõ đi chung. Việc hai gia đình thỏa thuận giải quyết tranh chấp với số tiền 40 triệu đồng không đồng nghĩa với việc xác định diện tích đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng riêng của nhà ông T vì hiện nay tại khu vực gia đình ông T, ông T, các hộ khác cũng đều chưa được cấp GCNQSDĐ. Do đó chính quyền địa phương không đồng ý với thỏa thuận này là đúng quy định.

Từ những phân tích trên Quyết định số 104/QĐ-CT ngày 15/01/2016 của Chủ tịch UBND H là đúng quy định pháp luật, đề nghị HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng có quan điểm:

+ Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Điều 36 Luật Tổ tụng hành chính. Về thẩm quyền thụ lý: Thẩm phán thụ lý giải quyết theo đúng quy định về thẩm quyền tại Khoản 1 Điều 28 và Điều 30 Luật TTHC. Về việc gửi Thông báo thụ lý: đúng thời hạn theo quy định tại Điều 111 Luật TTHC. Về quan hệ pháp luật: Đây là một trong những quan hệ pháp luật hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Về xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia Tố tụng: xác định ông T là người khởi kiện, Chủ tịch UBND H là người bị kiện, ông Nguyễn Phú T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng quy định pháp luật. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 15/01/2016 Chủ tịch UBND H đã ban hành Quyết định số 104/QĐ-CT, ngày 26/01/2016 ông Nguyễn Đức T gửi đơn đến TAND thành phố Hải Phòng khiếu kiện quyết định trên là đảm bảo quy định về thời hiệu theo quy định tại Khoản 2 Điều 104 Luật TTHC. Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Ngày 29/02/2016 Tòa án thụ lý vụ án, ngày 01/6/2016 Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đã thực hiện đúng quy định tại Điều 117 Luật TTHC. Thẩm phán đã tổ chức đối thoại giữa các đương sự đúng quy định tại Điều 12 Luật TTHC. Về cấp tổng đạt các văn bản tố tụng: Thực hiện theo đúng quy định tại Điều 77, 93 LTTHC.

+ Tại phiên tòa, HĐXX đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 125 đến Điều 159 Luật TTHC.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia Tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa những người tham gia Tố tụng đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 49, 51, 52, 77, 127, 131, 115 Luật TTHC.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về Tố tụng:

Đối tượng khởi kiện: Trong vụ hành chính này đối tượng khởi kiện là Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 104/QĐ-CT ngày 15/01/2016 của Chủ tịch UBND H về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đức T. Theo quy định tại Điều 28 Luật Tố tụng hành chính đối tượng khởi kiện thuộc trường hợp “Khiếu kiện quyết định hành chính”

Về thẩm quyền: Đối chiếu với quy định tại Điều 30 Luật Tố tụng hành chính hiện hành thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử thấy như sau:

Xét yêu cầu của người khởi kiện, ông T yêu cầu hủy Quyết định số 104/QĐ-CT ngày 15/01/2016 của Chủ tịch UBND H.

Để xem xét, đánh giá Quyết định số 104/QĐ-CT ngày 15/01/2016 của Chủ tịch UBND H có được ban hành đúng quy định pháp luật hay không cần phải xem

xét, đánh giá trên 3 phương diện: thẩm quyền ban hành, trình tự thủ tục ban hành và nội dung.

- Về thẩm quyền ban hành quyết định:

Quyết định số 104/QĐ-CT ngày 15/01/2016 của Chủ tịch UBND H là quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 đối với việc giải quyết khiếu nại của ông T. Căn cứ Khoản 2 Điều 21 Luật khiếu nại quy định Chủ tịch UBND H có quyền giải quyết khiếu nại lần 2 đối với Quyết định giải quyết khiếu nại ban đầu của Chủ tịch UBND cấp huyện. Phó Chủ tịch UBND H Nguyễn Văn T ký ban hành Quyết định số 104/QĐ-CT nêu trên là trên cơ sở ủy quyền thường xuyên mảng công việc được phân công phụ trách của Chủ tịch UBND H nên Quyết định số 104/QĐ-CT ngày 15/01/2016 của Chủ tịch UBND H ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định:

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông T, UBND H đã có Công văn số 717/VP-NC ngày 20/5/2015 gửi Thanh tra H để kiểm tra, xác minh, kết luận các nội dung trong đơn khiếu nại của ông T. Thanh tra H đã mời ông T lên làm việc để giải thích khi giải quyết vụ việc người khiếu nại có hai lựa chọn một là khởi kiện ra Tòa án, hai là lựa chọn cơ quan giải quyết là UBND H. Khi đó anh V là đại diện của ông T có đề nghị UBND H là cơ quan giải quyết vụ việc.

Ngày 23/7/2015 Thanh tra H có Quyết định số 103/QĐ-TTTP ngày 23/7/2015 về việc xác minh nội dung khiếu nại của ông T đồng thời thành lập Đoàn xác minh do ông Hoàng Văn U – Trưởng phòng Nghiệp vụ 2 là trưởng đoàn.

Ngày 20/10/2015 Đoàn xác minh có báo cáo số 02/BC-ĐXM về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của ông T do trưởng đoàn xác minh là ông Hoàng Văn U ký.

Dựa trên báo cáo của Đoàn xác minh, ngày 21/10/2015 Thanh tra H có Báo cáo số 58/BC-TTTP gửi UBND H do Phó Chánh thanh tra là ông Vũ Minh T ký thay Chánh thanh tra.

Ngày 24/11/2015 Thanh tra H đã có buổi đối thoại với anh Nguyễn Đức V con trai của ông T.

Căn cứ vào các quy định của pháp luật và xét Báo cáo của Thanh tra H, kết quả đối thoại ngày 24/11/2015, ngày 15/01/2016 Chủ tịch UBND H đã ban hành Quyết định số 104/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Nguyễn Đức T.

Ngày 26/01/2016 Thanh tra H đã tiến hành công khai quyết định giải quyết khiếu nại lần 2, cụ thể là Quyết định số 104/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đức T. Quyết định 104/QĐ-CT ngày 15/01/2016 của Chủ tịch UBND H được trao cho UBND huyện K, UBND xã T, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K đồng thời ủy quyền cho UBND xã T trực tiếp giao Quyết định trên cho ông Nguyễn Đức T.

Như vậy, căn cứ vào các Điều 36, 38, 39, 40, 41 Luật khiếu nại thì việc ban hành Quyết định số 104/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Nguyễn Đức T của Chủ tịch UBND H là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

- Về nội dung của Quyết định:

Đất đang tranh chấp giữa nhà ông T và nhà ông T là ngõ đi có diện tích 23,1m².

+ Theo hồ sơ sổ sách tại địa phương:

Đối với hộ nhà ông T, tại sổ mục kê năm 1984 thửa số 324b tờ bản đồ số 05 xứ đồng Trạm Xá diện tích 360m² đất thổ cư đứng tên ông T, thửa số 324 tờ bản đồ số 05 xứ đồng Trạm Xá diện tích 288m² đất thổ cư đứng tên anh V. Tuy nhiên tại bản đồ giải thửa số 05 chỉ thể hiện một thửa 324 không có thửa 324b, không đồng nhất với sổ mục kê. UBND xã T không cung cấp được hồ sơ giao đất cho anh V tại thửa đất hiện nay đang sử dụng mà chỉ có Đơn xin đăng ký sử dụng ruộng đất ghi tại thửa 324a, diện tích 288m² vào ngày 29/7/1984 không được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã xác nhận.

Đối với hộ nhà ông T, tại sổ mục kê năm 1984 tờ bản đồ số 05 xứ đồng Xóm 5, diện tích 336m² đất thổ cư đứng tên bà Bùi Thị N. Năm 1985 bà N đã chuyển nhượng cho gia đình ông T (có chữ ký của 2 bên và xác nhận UBND xã T thời kỳ đó).

Đối với diện tích ngõ đi không thể hiện trên bản đồ giải thửa lập năm 1978, chỉnh lý lại vào năm 1984, tỷ lệ 1/2000. Với tỷ lệ 1mm trên bản đồ bằng 2m ngoài thực địa, do vậy các ngõ đi hoặc bờ ruộng dưới 2m cũng không thể hiện được. Theo hiện trạng bề mặt rộng của ngõ đi khoảng 1,4m.

+ Theo hiện trạng sử dụng đất theo biên bản xác định ranh giới, mốc giới ngày 27/11/2014 của Đoàn xác minh:

Hiện trạng ngõ đi là 23,1m² đất.

+ Theo kết quả xác minh các hộ liền kề của Đoàn thanh tra H cho thấy:

Cả bà Bùi Thị Miên là chủ hộ liền kề với gia đình ông Nguyễn Đức T và ông Đồng Duy C – Cán bộ ruộng đất thời kỳ đó đều xác nhận trước khi phân đất cho nhà ông T, nhà bà N thì ngõ đi đang tranh chấp trước đây là bờ ruộng do hai gia đình ông T và bà N bồi đắp, tôn tạo thành ngõ đi chung. Và 02 gia đình cùng sử dụng ngõ đi chung suốt từ năm 1967 cho đến nay.

Năm 1985 gia đình bà N bán đất cho nhà ông T và nhà ông T tiếp tục sử dụng ngõ đi này không có tranh chấp gì với nhà ông T cho đến năm 2005. Như vậy nhà ông T và nhà bà N sau này là nhà ông T đã sử dụng chung ngõ đi này cho đến năm 2005 mới xảy ra tranh chấp là 38 năm. Ngõ đi này đã được hình thành từ trước thời điểm anh Toóng làm đơn xin đăng ký sử dụng ruộng đất và có nguồn gốc là bờ ruộng canh tác của Hợp tác xã quản lý. Việc giải quyết tranh chấp giữa các bên, UBND các cấp không xác định công sức bồi đắp của các bên mà chỉ xác định diện tích đất này là ngõ đi chung. Nội dung Quyết định số 104/QĐ-CT ngày 15/01/2016 của Chủ tịch UBND H cũng chỉ xác định diện tích ngõ tranh chấp là

ngõ đi chung. Việc hai gia đình thỏa thuận giải quyết tranh chấp với số tiền 40 triệu đồng là vì gia đình ông T, anh V chặn ngõ không cho gia đình ông T đi nên ông T muốn mua dứt điểm diện tích ngõ trên thành ngõ đi riêng nhà ông T. Tuy nhiên các cấp chính quyền đã xác định diện tích đất tranh chấp là ngõ đi chung, là đất công do UBND xã T quản lý nên thỏa thuận mua bán trên không thực hiện được. Mặt khác biên bản thỏa thuận đó cũng không đồng nghĩa với việc xác định diện tích đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng riêng của nhà ông T vì hiện nay tại khu vực gia đình ông T, ông T, các hộ khác khu vực đó cũng đều chưa được cấp GCNQSDĐ (bìa đỏ).

Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở để khẳng định việc ban hành Quyết định số 104/QĐ-CT ngày 15/01/2016 của Chủ tịch UBND H về thẩm quyền, về trình tự thủ tục và nội dung là đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định 104/QĐ-CT ngày 15/01/2016 của Chủ tịch UBND H của ông T là không có cơ sở. HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của ông T.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 34 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 12, ông T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điều 30; Điểm a Khoản 2 Điều 163; Điều 164 Luật Tổ tụng hành chính năm 2011;

- Áp dụng Điều 21, 36, 38, 39, 40, 41, 42 Luật khiếu nại;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02 ngày 29/7/2011 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Tổ tụng hành chính;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 12.

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T về yêu cầu hủy Quyết định số 104/QĐ-CT ngày 15/01/2016 của Chủ tịch UBND H về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đức T; trú tại Thôn 3 N, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Đức T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm ông T đã nộp theo biên lai số 0008709 ngày 29/02/2016 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thành Ngọc